

Bản án số: **30/2021/DS-ST**

Ngày: 27/4/2021

V/v: *Tranh chấp HĐ vay tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thúy Hà**

2. Ông **Nguyễn Minh Tú**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà **Phong Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đào Quang T** (tên gọi khác: **T1**), sinh năm 19XX.

Địa chỉ: TDP Đ C 3, phường L M, quận B T L, TP Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X**

Địa chỉ: Số X ngõ Y/Z đường Y N, TDP Y N 1, phường L M, quận B T L, TP Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị X có quan hệ họ hàng với bên nhà vợ ông là bà B. Năm 2014, bà X có đến nhà ông chơi và tự nhiên hỏi ông có tiền không cho bà vay 50.000.000 đồng để bà mua quần áo. Từ năm 2014 đến năm 2015, bà X vay của ông tổng số tiền 223.000.000 đồng với 5 lần ông cho vay, mỗi lần vay bà X đều viết giấy vay tiền bằng tay cho ông và có ký tên xác nhận. Vì nghĩ họ hàng, ông tin tưởng nên đồng ý cho bà X vay, lần đầu tiên, ông cho bà X tổng là 73.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền viết tay ngày 29/8/2014, 01 giấy với số tiền 23.000.000 đồng và 01 giấy với số tiền 50.000.000 đồng đều do bà X viết và ký xác nhận, trong 2 giấy vay tiền ngày 29/8/2014 còn có ông Tuấn là chồng của bà X có ký làm chứng về việc bà X vay tiền của ông. Lần thứ hai vào ngày 01/11/2014, bà X lại hỏi vay ông số tiền 50.000.000 đồng vì bà nói bà đang khó khăn. Lần thứ ba ngày 08/12/2014, ông có cho bà X vay 60.000.000 đồng theo giấy vay tiền bà X viết và ký tên ngày 08/12/2014. Ngày 07 và 08/01/2015 ông tiếp tục cho bà X vay số tiền 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 07/01/2015, bà X cũng có viết và ký xác nhận vào giấy tiền. Ngoài ra, ông không còn cho vay thêm lần nào nữa.

Đối với giấy viết tay cộng 3 tháng 10, 11, 12 với tổng số tiền là 23.000.000 đồng nhưng không có chữ ký của bà X. Đây không phải là số tiền gốc ông cho bà X vay mà là số tiền lãi bà X còn nợ ông. Đến nay, bà X không trả cho ông đồng tiền gốc nào từ khi vay cho đến nay, ông tuổi đã cao, dịch bệnh covid khó khăn mà ông đến nhà bà X đòi nhiều lần nhưng bà không trả tiền cho ông, thậm chí bà còn chửi ông.

Nay, ông đề nghị Tòa án yêu cầu bà X phải thanh toán cho ông tổng số tiền gốc mà ông đã cho bà vay là 223.000.000 đồng với 5 lần vay theo 5 giấy vay tiền viết tay ông đã nộp cho Tòa án. Ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự đã được pháp luật quy định, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú hợp pháp cho bà X nhưng trong suốt quá trình giải

quyết và chuẩn bị xét xử, bà X đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã nhiều lần đến nhà để ghi ý kiến của bà X nhưng cũng không ghi được ý kiến của bà, cũng không có yêu cầu phản tố gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành thu thập lời khai của ông T2 là chồng của bà X về việc có làm chứng việc bà X vay tiền của ông T trong giấy vay tiền ngày 29/8/2014. Tuy nhiên, ông Tuấn không hợp tác, không cung cấp lời khai, ý kiến của mình cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của ông T2.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị X thanh toán cho ông toàn bộ số tiền mà bà đã vay được ghi trong các giấy vay tiền là 223.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu đồng*). Ông không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền gốc trên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền cũng như nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Quang T số tiền 223.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 29/8/2014; ngày 01/11/2014; ngày 08/12/2014 và ngày 07/01/2015. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 223.000.000 đồng với 5 lần vay theo các giấy vay tiền các ngày 29/8/2014; ngày 08/12/2014; ngày 01/11/2014 và ngày 07/01/2015, HĐXX xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự;

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị X có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại số X ngõ Y/Z đường Y N, TDP Y N 1, phường L M, quận B T L, TP Hà Nội. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[2]Về nội dung:

- Xét yêu cầu đòi tiền của ông Đào Quang T với số tiền vay trong các giấy vay tiền là 223.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Về quan hệ ông Đào Quang T và bà Nguyễn Thị X có quan hệ họ hàng với nhau nên khi bà X có nhu cầu cần tiền để sinh hoạt cá nhân, do tin tưởng và quen biết nên ông T đã đồng ý cho bà X vay tiền. Tổng số tiền vay là 223.000.000 đồng với 5 lần vay theo 05 giấy vay tiền viết tay các ngày 29/8/2014; ngày 08/12/2014; ngày 01/11/2014 và ngày 07/01/2015. Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T, Tòa án đã triệu tập tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà X cũng không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu khởi kiện trên và cũng không nộp bản tự khai và ý kiến gì đến Tòa án. Căn cứ vào các giấy vay tiền do bà Nguyễn Thị X viết tay các ngày 29/8/2014; ngày 08/12/2014; ngày 01/11/2014 và ngày 07/01/2015 có chữ ký xác nhận của bà X đủ cơ sở để xác định ông Đào Quang T đã cho bà X vay tổng số

tiền 223.000.000 đồng là có căn cứ. Do vậy yêu cầu của ông T đòi tiền của bà X đối với số tiền 223.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Tại phiên Tòa cũng như trong quá trình điều tra vụ án ông Đào Quang T không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vay như trong các giấy vay tiền không yêu cầu lãi suất là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho ông Đào Quang T số tiền 223.000.000 đồng.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí của vụ án được tính là: 11.150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Quang T đối với bà Nguyễn Thị X.

2. Xác nhận bà Nguyễn Thị X nợ ông Đào Quang T số tiền là **223.000.000** đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm thanh toán trả ông Đào Quang T số tiền **223.000.000** đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 11.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND Q. Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ngọc Cảnh